TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày: 15-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Thẩm phán: Lê Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hẩn;

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Minh;

3/ Ông Võ Hòa Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1985 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Số MB Khu phố M, Phường M1, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nguyên là Kế toán Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch; Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1962; vợ tên Thi Thị Hồng Đ, sinh năm 1985 và có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24-8-2019 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Phạm Văn T– Luật sư Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên BML, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Ông Vương Sơn H– Luật sư Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên SHL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Bị hại: Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ trụ sở: Số 12, tỉnh lộ 781, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Thanh T1, chức vụ: Chánh án Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tấn T, chức vụ: Chánh văn phòng - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Thi Thị Hồng Đ, sinh năm 1985; cư trú tại: Số MB Khu phố M, Phường M1, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1985; cư trú tại: Số MKH đường NKKN, Khu phố M, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

+ Bà Lâm Thúy L, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp TS, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị Kim N1, sinh năm 1985; cư trú tại: Số HBB đường ĐBP, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thiên D, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp TL, xã TĐ, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

+ Ông Trần Tuấn V, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp LT, xã LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Duy L1, sinh năm 1965; cư trú tại: BBH TVT, Ấp GT, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1967; cư trú tại: NSB Ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960;cư trú tại: Số MB Khu phố M, Phường M1, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12-8-2019, Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn số 128 về việc chuyển tin báo về tội phạm đối với kế toán Nguyễn Hoàng S, công tác tại Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT, tỉnh Tây Ninh để xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra thể hiện:

Theo Quyết định số 38/QĐ-CA ngày 20-5-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, bị cáo Nguyễn Hoàng S được tuyển dụng làm kế toán của đơn vị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh kể từ ngày 01-6-2009.

Từ tháng 6-2013 đến tháng 3-2019, bị cáo Nguyễn Hoàng S lợi dụng nhiệm vụ được phân công, khi lập chứng từ thanh toán, quyết toán, trình cho chủ tài khoản, người được ủy quyền chủ tài khoản của Tòa án nhân dân huyện CT ký duyệt, gửi chứng từ cho Kho bạc Nhà nước huyện CT. Đồng thời, khi lập danh sách cán bộ công chức lãnh lương hàng tháng, trình chủ tài khoản ký duyệt để gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện CT, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã lập danh sách cán bộ công chức vượt số lượng so với biên chế được giao, cụ thể là Thi Thị Hồng Đ (vợ của bị cáo), Nguyễn Thị Kiều M (bạn học của bị cáo) và Ngô Thị Kim Q(không xác định được họ tên, địa chỉ), Trịnh Ngọc Â(sinh năm 1982, ngụ: Số HB, Đường số HT, BL, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, hiện đã bỏ địa phương) vào danh sách cán bộ chuyển khoản chi trả lương, phụ cấp hàng tháng; chuyển vào tài khoản của cá nhân bị cáo Nguyễn Hoàng S các khoản lương, phụ cấp, tiền làm thêm giờ, công tác phí, tiền xét xử, tăng thu nhập của cán bộ Tòa án nhân dân huyện CT; chuyển vào tài khoản của 03 công chức của Tòa án nhân dân huyện CT (Lâm Thúy L - Thẩm phán kiêm thủ quỹ, Phạm Thị Kim N1 - Thẩm phán, Nguyễn Thiên D - Thẩm phán) các khoản chi trả lương, phụ cấp hàng tháng, tiền công tác phí và các khoản khác, nhiều hơn số tiền thực tế mà những người này được hưởng. Với thủ đoạn trên, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã chiếm đoạt tổng số tiền **1.971.853.636** đồng, trong đó: nguồn kinh phí thực hiện tự chủ là 1.892.193.160 đồng, nguồn kinh phí thực hiện không tự chủ là 79.660.476 đồng.

Cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng S đã nhiều lần chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo các khoản tiền lương, làm thêm giờ, tăng thu nhập cuối năm, phụ cấp, khoán công tác phí, tiền xét xử số tiền cao hơn số tiền mà bị cáo được hưởng, có những khoản tiền bị cáo S không được hưởng theo quy định, để chiếm đoạt số tiền **1.352.398.443** đồng.

- Khi lập chứng từ chuyển lương, phụ cấp hàng tháng cho công chức của Tòa án nhân dân huyện CT, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã nhiều lần đưa thêm tên của những người không phải công chức của Tòa án nhân dân huyện CT là Thi Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Kiều M, Ngô Thị Kim Q, Trịnh Ngọc Â để chiếm đoạt 482.356.197 đồng. Trong đó, từ tháng 11-2013 đến tháng 12-2017 chuyển tiền vào tài khoản của Thi Thị Hồng Đ với số tiền **404.741.979** đồng; từ tháng 02-2015 đến tháng 5-2017, chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Kiều M với số tiền **67.029.220** đồng; tháng 11-2013, chuyển vào tài khoản của Ngô Thị Kim Q số tiền **5.000.000** đồng, tháng 12-2013, chuyển vào tài khoản của Trịnh Ngọc Â số tiền **5.584.998** đồng. Sau khi chuyển tiền vào tài khoản Thi Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Kiều M, bị cáo Nguyễn Hoàng S sử dụng thẻ ATM (đã mượn trước khi chuyển tiền) để tự rút tiền và tiêu xài cá nhân. Khi mượn thẻ ATM, Thi Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Kiều M do không có nhu cầu sử dụng nên đồng ý cho bị cáo Nguyễn Hoàng S mượn thẻ ATM.

- Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hoàng S còn mượn tài khoản của 03 công chức tại Tòa án nhân dân huyện CT là bà Lâm Thúy L, bà Phạm Thị Kim N1 và ông Nguyễn Thiên D để chuyển tiền và chiếm đoạt số tiền **137.098.996** đồng. Trong đó: từ tháng 01-2016 đến tháng 6-2018, bị cáo S đã chuyển vào tài khoản của bà Lâm Thúy L nhiều hơn số tiền của bà L thực tế được hưởng là **47.746.699** đồng; từ tháng 01-2016 đến tháng 12-2018, đã chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị Kim N1 với tổng số tiền **79.048.915** đồng; từ tháng 5-2018 đến tháng 9-2018, đã chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Thiên D với số tiền **10.303.382** đồng.

Số tiền chuyển vào tài khoản của bà Lâm Thúy L bao gồm tiền lương của bà L và tiền bị cáo S chuyển thêm vào. Số tiền chuyển vào tài khoản bà Phạm Thị Kim N1, ngoài tiền lương của bà N1, còn lại là dùng để trả nợ cho bà N1. Số tiền chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thiên D bao gồm tiền lương của ông D và tiền bị cáo S trả nợ cho ông D. Sau khi tiền đã chuyển vào tài khoản thì bà N1, bà L, ông D đã tự rút tiền và đưa lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng S đúng với số tiền bị cáo S đã trao đổi trước khi chuyển khoản. Ngoài số tiền được hưởng theo chế độ, ông Nguyễn Thiên D và bà Phạm Thị Kim N1 không xác định được cụ thể số tiền mà bị cáo S đã chuyển vào tài khoản cá nhân là bao nhiêu.

Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã tiêu xài cá nhân hết.

Số tiền bị cáo Nguyễn Hoàng S chiếm đoạt liên quan đến trách nhiệm của các chủ tài khoản Tòa án nhân dân huyện CT, cụ thể như sau:

- Từ tháng 6-2013 đến tháng 02-2016: Chứng từ do ông Nguyễn Duy L1- Chánh án, chủ tài khoản ký duyệt bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền **832.406.846** đồng.

- Từ tháng 02-2016 đến tháng 9-2018: Chứng từ do ông Đỗ Thanh B- Phó Chánh án, được ông Trần Tuấn V, Chánh án Tòa án nhân dân huyện CT ủy quyền chủ tài khoản ký duyệt bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền **1.083.094.252 đồng.**

- Từ tháng 10-2018 đến tháng 3-2019: Chứng từ do ông Trần Tuấn V, chủ tài khoản ký duyệt bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền **2.996.834 đồng**; mặt khác, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã giả mạo chữ ký của ông Trần Tuấn V- Chánh án, chủ tài khoản trên các chứng từ để chiếm đoạt số tiền **53.355.704 đồng.**

* Kết luận giám định số 609/KLBS-KTHS ngày 21-5-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Duy L1 trên 66 tài liệu cần giám định (ký hiệu A01 đến A4, A44 đến A69) với chữ ký đứng tên Nguyễn Duy L1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M01 đến M08) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Đỗ Thanh B trên 72 tài liệu cần giám định (ký hiệu A45 đến A47, A70 đến A138) với chữ ký đứng tên Đỗ Thanh B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M09 đến M16) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký Trần Tuấn V trên 18 tài liệu cần giám định (ký hiệu A139 đến A150, A156 đến A158, A162 đến A164) với chữ ký đứng tên Trần Tuấn V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M17 đến M022) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký Trần Tuấn V trên 08 tài liệu cần giám định (ký hiệu A151 đến A155, A159 đến A161) với chữ ký đứng tên Trần Tuấn V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M17 đến M022) là không phải do cùng một người ký ra.

* Vật chứng đã thu giữ trong vụ án: Có bản kê vật chứng kèm theo.

* Về bồi thường thiệt hại:

Bị cáo Nguyễn Hoàng S đã nộp 791.100.000 đồng để khắc phục hậu quả. Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình nộp 800.000.000 đồng tiếp tục khắc phục hậu quả.

* Kê biên tài sản: Bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS-P3 ngày 08-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng S về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội "Tham ô tài sản". Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S từ 18 năm đến 20 năm tù. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 02 năm đến 03 năm.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 1.971.853.636 đồng. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường 1.591.100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho bị cáo 01 máy tính xách tay của bị cáo. Trả cho ông Nguyễn Văn N 01 máy tính xách tay.

* Luật sư Phạm Văn T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng S trình bày: Thống nhất tội danh cáo trạng truy tố. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khắc phục hậu quả số tiền 1.591.000.000 đồng là khắc phục trên ¾ thuộc điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa thể hiện: Trong thời gian công tác bị cáo được tặng danh hiệu lao động tiên tiến, có thành tích xuất sắc trong công tác, áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có cha, mẹ có giấy khen trong quá trình công tác; Ông nội tham gia cách mạng là liệt sĩ thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Theo nguyên tắc xét xử các tội phạm tham nhũng theo Nghị quyết 03 ngày 30-12-2020 thuộc khoản 2 Điều 5 bị cáo đã khắc phục trên ¾ thiệt hại.

Không đồng ý tình tiết: Phạm tội nhiều lần thuộc điểm g khoản 1 Điều Điều 52 của Bộ luật Hình sự vì bị cáo phạm tội liên tục, không xác định được từng lần phạm tội.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt liền kề là phù hợp, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

* Luật sư Vương Sơn H trình bày lời bào chữa cho bị cáo S: Thống nhất tội danh truy tố.

Mức án viện kiểm sát đề nghị là quá nặng vì: Bị cáo đã có thái độ ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai trái do mình gây ra, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả. Không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội nhiều lần, không chứng minh được định lượng từng lần mà đã cộng lại để truy tố. Bản kết luận điều tra xác định bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng Cáo trạng xác định bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng là mâu thuẫn nhau và Cáo trạng đánh giá chưa toàn diện, chưa khách quan. Bị cáo S đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự và áp dụng mức án khởi điểm khung hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Bị cáo không tranh luận.

Ông Nguyễn Văn N: xin nhận lại chiếc máy tính xách tay vì đó là máy của ông, ông đã sử dụng vào công việc tại Công ty cơ khí, bị cáo S mượn sử dụng ông không biết Sơn dùng vào việc phạm tội.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã sai, vi phạm pháp luật xin xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng với tư cách là bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.2] Việc thu thập chứng cứ: Ngày 13-8-2020 Cơ quan điều tra ra Kết luận điều tra, tống đạt cho bị cáo và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh cùng ngày, nhưng đến ngày 03-10-2020 điều tra viên tiếp tục làm việc lấy lời khai ông Trần Tấn T, đại diện theo ủy quyền của Tòa án nhân dân huyện CT; làm việc lấy lời khai ông Nguyễn Văn N, cha bị cáo Nguyễn Hoàng S (BL 3370 - 3373). BL 3374 biên bản xác minh có sửa chữa ngày tháng. Vi phạm về trình tự thủ tục thu thập chứng cứ theo Điều 88; Điều 133 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử không sử dụng các tài liệu trên trong quá trình đánh giá chưng cứ, giải quyết vụ án.

[1.3] Về Kết luận giám định: Bị cáo đã nhận được thông báo Kết luận giám định số 609/KLBS-KTHS ngày 21-5-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh về kết luận chữ ký của ông Nguyễn Duy L1, ông Đỗ Thanh B và

ông Trần Tuấn V trên các tài liệu, chứng từ tài chính do bị cáo phạm tội là đúng, bị cáo không có ý kiến.

[1.4] Về giám định tài chính: Tại Quyết định Trưng cầu giám định số 64/ QĐ-VPCQCSĐT ngày 30-7-2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh yêu cầu Sở Tài Chính tỉnh Tây Ninh tiến hành giám định tài chính: Hồ sơ thanh quyết toán từ 6-2013 đến 8-2019. Không có thể hiện có thời hạn kết thúc.

Tại Công văn số 2430/STC-TTS ngày 07-8-2020 của Sở Tài chính đề nghị bổ sung hồ sơ, tài liệu phục vụ giám định. Tại Công văn số: 176/VPCQCSĐT ngày 13-8-2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đã phúc đáp công văn số 2430 ngày 07-8-2020 cho Sở Tài chính.

Ngày 30-8-2020 theo yêu cầu của cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân huyện CT đã tiến hành giao toàn bộ tài liệu, chứng từ tài chính còn lưu tại Tòa án huyện CT cho cơ quan điều tra công an tỉnh Tây Ninh từ năm 2015 đến năm 2018 để phục vụ giám định tài chính.

Sau đó, Tại Công văn 3074/STC –TTS ngày 05-10-2020 của Sở Tài chính tiếp tục yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra gửi đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan để thực hiện việc giám định nhưng cơ quan điều tra không cung cấp được. Tại Quyết định số 02 ngày 21-5-2021 của Tòa án tỉnh Tây Ninh trả hồ sơ để điều tra bổ sung về kết quả giám định tài chính. Tại Công văn số 1589/STC-TTr ngày 21-5-2021 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh trả lời từ chối giám định do hồ sơ, tài liệu cung cấp giám định không đầy đủ và không có giá trị để kết luận giám định tư pháp theo nội dung trưng cầu giám định.

- Do tài liệu, chứng từ tài chính qua nhiều năm, việc lưu trữ bị thất thoát không đầy đủ, từ đó không có cơ sở để tiến hành giám định tài chính.

[1.5] Đối với số tiền 30.454.894 đồng do ông Nguyễn Văn N nộp tại Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh vào ngày 10-6-2020 (BL 3428) cùng ngày Tòa án huyện CT đã chuyển vào tài khoản của Bảo hiểm xã hội huyện CT giải quyết tiền bảo hiểm xã hội. Tại Văn bản số 206/VKS-P3 ngày 31-12-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trả lời: Số tiền 30.454.894 đồng (cha bị cáo S là ông Nguyễn Văn N) giao nộp là tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... của tháng 6-2020 theo thông báo của Bảo hiểm. Đây là giao dịch giữa ông N với Tòa án nhân dân huyện CT, về bản chất không liên quan đến số tiền chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Hoàng S.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị cáo thực hiện hành vi như sau: Bị cáo Nguyễn Hoàng S được nhận vào làm việc tại Tòa án nhân dân huyện CT từ năm 2009, với vai trò là kế toán có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thu chi tài chính; kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị... lợi dụng vị trí, vai trò và nhiệm vụ được giao bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối khi lập các chứng từ tài chính để chiếm đoạt tiền của đơn vị, cụ thể: Vào năm 2013 lợi dụng việc Kho bạc Nhà nước không kiểm tra chi tiết các chứng từ tài chính, bị cáo đã kê khống những người không thuộc diện cán bộ của Tòa án vào danh sách bảng lương hàng tháng của đơn vị để chuyển tiền chiếm đoạt vào tài khoản của họ, sau

đó bị cáo rút ra sử dụng, song song đó bị cáo chiếm đoạt tiền bằng cách chuyển thẳng vào tài khoản của bị cáo; Ngoài ra, bị cáo còn mượn tài khoản của các cán bộ công tác tại Tòa án huyện CT để chuyển tiền vào tài khoản của họ, rồi yêu cầu họ rút ra đưa lại cho bị cáo sử dụng, với các hành vi trên, trong khoản thời gian từ tháng 6-2013 đến tháng 3-2019 bị cáo đã chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 1.971.853.636 đồng. Tại phiên tòa bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã được đối chiếu các chứng từ tài chính, qua từng lần có thay đổi về số tiền chiếm đoạt là do có thiếu sót cần bổ sung và bị cáo xác định số tiền chiếm đoạt chính xác theo bản Cáo trạng là 1.971.853.636 đồng, số tiền trên chiếm đoạt từ nguồn 12 (tiền chi cho xét xử) và nguồn 13 (tiền chi cho hoạt động con người: Lương, phụ cấp, bảo hiểm, tiền điện nước, làm thêm giờ...) của cơ quan Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội "Tham ô tài sản" tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến nguồn tiền hoạt động của Tòa án nhân dân huyện CT được ngân sách Nhà nước phân bổ hàng năm, ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động đúng đắn và lợi ích chính đáng của đơn vị. Cần xử lý nghiêm bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi lập chứng từ không hoặc giả mạo chữ ký của Thủ trưởng đơn vị để rút tiền chiếm đoạt là hoàn toàn sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích, động cơ tư lợi, bất chấp hậu quả. Qua nhiều lần làm việc từ công an huyện CT, đến cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về số tiền cụ thể bị cáo chiếm đoạt có khác nhau là do chưa thống nhất móc thời gian tính mức lương cơ bản, công tác phí của cán bộ công chức nên có sự chênh lệch ... Bị cáo thống nhất các tài liệu thống kê số tiền chiếm đoạt từ 6-2013 đến 3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã làm việc trực tiếp với bị cáo có sự chứng kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo. Tại phiên tòa sau khi xét hỏi, tranh luận bị cáo xác định đã chiếm đoạt số tiền 1.971.853.636 đồng, xét số tiền chiếm đoạt bị truy tố là có căn cứ.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là "*chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên*" là có căn cứ.

[5] Xem xét toàn diện vụ án, thấy rằng: Việc bị cáo chuyển tiền vào tài khoản của Thi Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Kiều M cơ quan điều tra xác định những người này không biết việc bị cáo mượn thẻ ATM để sử dụng vào việc phạm tội. Nên không xử lý hình sự là có căn cứ.

[5.1] Đối với việc chuyển tiền vào tài khoản của bà Lâm Thúy L và bà Phạm Thị Kim N1, theo hồ sơ thể hiện và tại phiên tòa bị cáo xác định: Thời điểm chuyển tiền vào tài khoản của bà L và bà N1 bị cáo có nói trước là thẻ ATM của

bị cáo bị hư hỏng và chứng minh nhân dân bị mất nên chưa làm được, do tin tưởng đồng nghiệp nên bà L và bà N1 đã đồng ý cho bị cáo chuyển tiền vào tài khoản từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng trong thời gian dài, bà L cho chuyển 17 lần với tổng số tiền 48.246.000 đồng, bà N1 cho chuyển 33 lần với tổng số tiền 78.198.000 đồng, có dấu hiệu vi phạm, tuy nhiên do là đồng nghiệp với nhau, hai bà tin tưởng bị cáo S và không có hưởng tiền từ các khoản tiền bị cáo S chiếm đoạt chuyển vào tài khoản của các bà và đơn vị đã tiến hành kiểm điểm, xử lý về mặt chính quyền. Hiện tại bị cáo S đã nộp khắc phục hơn 3/4 số tiền chiếm đoạt. Nên cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý hình sự đối với hai bà là có căn cứ.

- Đối với ông Thiên Di vì tin lời bị cáo nói là thẻ ATM của bị cáo bị hư hỏng chưa đi làm được nên đã đồng ý cho chuyển 05 lần với số tiền 10.303.000 đồng, ông D không có sử dụng tiền trên. Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[5.2] Đối với ông Nguyễn Duy L1 - Nguyên là Chánh án Tòa án CT và ông Đỗ Thanh B – Nguyên là Phó Chánh án Tòa án CT và là chủ tài khoản, trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động tài chính của đơn vị đã để xảy ra tội phạm làm thất thoát tiền. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án hình sự theo Quyết định số 28/QĐ-VPCQCSĐT ngày 10-11-2020 đang làm rõ.

[5.3] Đối với ông Trần Tuấn V – Nguyên là Chánh án Tòa án huyện CT từ 02-2016 đến thời điểm phát hiện tội phạm (2019): Ông V là người phát hiện tội phạm và báo cáo cấp trên cũng như tin báo tội phạm cho cơ quan cảnh sát điều tra xử lý. Đã bị xử lý trách nhiệm về chính quyền. Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[5.4] Đối với Ngô Thị Kim Qvà Trịnh Ngọc Âhiện không rõ địa chỉ, không làm việc được, không có cơ sở để cơ quan điều tra xử lý sau.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cụ thể:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo thực hiện tội phạm trong thời gian dài, từng lần chiếm đoạt đều đủ trên 2.000.000 đồng trở lên, theo Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03-4-2019 của Tòa án nhân dân Tối cao, có cơ sở áp dụng tình tiết "phạm tội hai lần trở lên" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các luật sư bào chữa cho rằng không áp dụng tình tiết tăng nặng này là không có căn cứ.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động nộp lại số tiền 1.591.100.000 đồng là trên ¾ tài sản chiếm đoạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Quá trình công tác bị cáo được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, với tình tiết này Luật sư đề nghị

áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự "có thành tích xuất sắc trong công tác" cho bị cáo là không có căn cứ;

Bị cáo có cha tên Nguyễn Văn N công tác tại Công ty cơ khí Tây Ninh được tặng nhiều giấy khen, trong đó đặc biệt có giấy khen đã có 1 công trình sáng tạo kỹ thuật, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà, mẹ bị cáo là bà Phạm Thị Ngọc D công tác tại Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh được tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân và nhiều giấy khen có thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ. Ngoài ra, bị cáo có Bác ruột và các cô ruột tham gia cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân chương; Huy hiệu vì sự nghiệp Quốc tế và Huy hiệu 30 năm tuổi đảng; ông nội bị cáo tham gia cách mạng được Tổ quốc ghi công là Liệt sĩ ... xét thấy, bị cáo thuộc gia đình có công lớn với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và có căn cứ áp dụng khoản 7 Điều 2 Nghị quyết 03 ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Đại diện Tòa án nhân dân huyện CT yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo bồi thường số tiền 1.971.853.636 đồng. Ghi nhận đã nộp 1.591.100.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-01-2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh số tiền là 791.100.000 đồng và theo biên lai thu số 0000205 ngày 14-10-2020 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh số tiền là 800.000.000 đồng)

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL INSPIRON 3420 màu đen của bị cáo S dùng vào việc phạm tội.

- Hoàn trả cho ông N 01 máy tính xách tay, bị cáo S mượn sử dụng ông N không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm 19.037.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội "Tham ô tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng S 15 (mười lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-8-2019.

Căn cứ khoản 5 Điều 353; Điều 41 của Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc tài chính – kế toán 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

2/. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S phải bồi thường cho Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh số tiền 1.971.853.636 đồng. Ghi nhận đã bồi thường 1.591.100.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-01-2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh số tiền là 791.100.000 đồng và theo biên lai thu số 0000205 ngày 14-10-2020 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh số tiền là 800.000.000 đồng) còn phải bồi thường 380.753.636 đồng, làm tròn là 380.753.500 đồng (ba trăm tám mươi triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, năm trăm đồng)

3/ Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL INSPIRON 3420 màu đen của bị cáo S dùng vào việc phạm tội.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen.

(Hai máy tính xách tay trên hiện Cục thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16-12-2020)

4/ Án phí: Bị cáo S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 19.037.500 đồng (mười chín triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra (Vụ 1)
-TANDCấp Cao;
-VKSNDCấp Cao;
-VKSND tỉnh Tây Ninh;
-Phòng PV 06 CA Tây Ninh;
-Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
-THADS tỉnh Tây Ninh;
-Trại tạm giam;
-Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng khác;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.